

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 360/2022/CBTT-CMC

Phủ Thọ, ngày 29 tháng 08 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần CMC

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: CVT

- Địa chỉ: Lô B10 – KCN Thụy Vân – Xã Thụy Vân – TP Việt Trì – Tỉnh Phú

Thọ

- Điện thoại liên hệ: 02103 991706

- E-mail: hcscmc@cmctiles.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần CMC công bố thông tin về báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/08/2022 tại đường dẫn <http://www.cmctiles.vn/quan-he-co-dong/cac-thong-tin-cong-bo/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Trần Đức Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 362/CV- CMC

V/v giải trình chênh lệch kết quả SXKD
6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ
năm ngoái

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hà Nội**

Căn cứ vào báo cáo soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của công ty cổ phần CMC, so sánh với 6 tháng đầu năm 2021 có sự chênh lệch về lợi nhuận sau thuế vì vậy Công ty cổ phần CMC báo cáo giải trình như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Báo cáo riêng	Báo cáo hợp nhất
1	Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2022	Tỷ đồng	7,2	37,5
2	Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021	Tỷ đồng	32,2	32,2
3	Biến động so với cùng kỳ năm trước	Tỷ đồng	-25	5,3
4	Biến động so với cùng kỳ năm trước	%	77%	116%

Nguyên nhân do các yếu tố sau:

Đối với báo cáo riêng:

Giá vốn hàng bán tăng do giá NVL đầu vào tăng cao; như giá than, giá ga...

Chi phí tài chính tăng 42 tỷ do chi phí phát hành trái phiếu.

Chi phí bán hàng tăng 28 tỷ, chi phí quản lý tăng 11 tỷ. do công ty đang thiết lập lại hệ thống cửa hàng tăng cường công tác quảng bá hình ảnh.

Đối với báo cáo hợp nhất:

Doanh thu tài chính tăng 42 tỷ do việc đầu tư tài chính và góp vốn đầu tư.

Vậy công ty cổ phần CMC làm báo cáo này để trình lên Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh và Sở GDCK thành phố Hà Nội để công bố ra thị trường.

Việt Trì, ngày 29 tháng 08 năm 2022

Công ty cổ phần CMC



CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Đức Huy

Công ty Cổ phần CMC

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần CMC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7- 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 39

Công ty Cổ phần CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần CMC ("Công ty") tiền thân là Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng được cổ phần hóa theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600106523, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 20 tháng 4 năm 2006, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 13 vào ngày 29 tháng 4 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác.

Công ty có trụ sở chính tại Lô B10 - B11, KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Bà Vũ Thị Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Huy Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Trần Hữu Chuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thùy Giang	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Đức Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đức Huy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022
Bà Vũ Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2022
Ông Vũ Đức Hồ Viễn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022
Ông Vũ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022
Ông Đỗ Phúc Viện	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2022
Ông Tạ Quang Vững	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến 26 tháng 1 năm 2022 là Ông Ngô Đức Vũ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị, từ ngày 26 tháng 1 năm 2022 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Đức Huy - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần CMC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Đức Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Phú Thọ, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 12844622/23051518-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần CMC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMC (“Công ty”) và công ty con được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 14 tháng 8 năm 2021.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.258.974.545.645	1.662.548.985.962
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	417.553.789.177	85.722.195.458
111	1. Tiền		56.001.837.564	85.722.195.458
112	2. Các khoản tương đương tiền		361.551.951.613	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.209.239.385.220	1.075.662.593.548
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	36.743.092.178	9.313.995.628
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	469.599.114.875	68.430.416.769
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	704.751.851.432	998.654.996.264
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(1.854.673.265)	(736.815.113)
140	III. Hàng tồn kho	8	602.473.929.778	498.591.600.236
141	1. Hàng tồn kho		608.496.220.980	506.673.995.527
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.022.291.202)	(8.082.395.291)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		29.707.441.470	2.572.596.720
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.857.707.506	1.329.261.105
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	15.066.366.255	1.010.370.385
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	8.783.367.709	232.965.230
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		883.508.253.828	765.189.334.620
220	I. Tài sản cố định		645.978.312.540	686.819.174.641
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	645.978.312.540	686.819.174.641
222	Nguyên giá		1.700.961.114.866	1.672.214.078.998
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.054.982.802.326)	(985.394.904.357)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		202.466.087.231	62.017.272.727
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	202.466.087.231	62.017.272.727
260	III. Tài sản dài hạn khác		35.063.854.057	16.352.887.252
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	35.063.854.057	16.352.887.252
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.142.482.799.473	2.427.738.320.582

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.327.739.200.210	1.650.188.457.833
310	I. Nợ ngắn hạn		1.042.737.046.462	937.601.996.499
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	206.490.148.754	172.915.182.920
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	8.331.425.732	4.409.368.997
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	11.793.347.042	25.940.470.604
314	4. Phải trả người lao động		17.128.571.785	25.699.130.947
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	50.191.197.761	32.272.125.815
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	58.293.585.107	56.146.385.971
320	7. Vay và nợ ngắn hạn	16	690.508.770.281	620.219.331.245
330	II. Nợ dài hạn		1.285.002.153.748	712.586.461.334
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	18.000.000.000	10.500.000.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	16	1.267.002.153.748	702.086.461.334
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		814.743.599.263	777.549.862.749
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	809.093.265.929	771.514.279.417
411	1. Vốn cổ phần		366.908.870.000	367.008.870.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		366.908.870.000	367.008.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	17.1	14.876.824.710	14.876.824.710
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	17.3	71.192.140.926	71.192.140.926
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	17.1	356.011.095.771	318.436.443.781
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		318.436.444.360	224.240.974.736
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		37.574.651.411	94.195.469.045
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		104.334.522	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		5.650.333.334	6.035.583.332
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	18	5.650.333.334	6.035.583.332
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.142.482.799.473	2.427.738.320.582

Vũ Thị Thùy Linh
Người lập

Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng

Trần Đức Huy
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phú Thọ, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	867.040.475.942	607.251.065.893
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(10.989.913.820)	(24.000.715.614)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	856.050.562.122	583.250.350.279
11	4. Giá vốn hàng bán	20	(710.515.526.127)	(508.436.348.073)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		145.535.035.995	74.814.002.206
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	49.568.693.650	3.506.065.290
22	7. Chi phí tài chính	21	(85.847.268.500)	(8.906.053.105)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(77.143.101.833)	(8.906.053.105)
25	8. Chi phí bán hàng	22	(35.628.682.258)	(5.986.006.391)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(26.625.864.421)	(20.474.246.091)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.001.914.466	42.953.761.909
31	11. Thu nhập khác		90.322.731	149.298.361
32	12. Chi phí khác		(160.782.381)	(2.562.937.185)
40	13. Lỗ khác		(70.459.650)	(2.413.638.824)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		46.931.454.816	40.540.123.085
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(9.352.468.304)	(8.277.265.850)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		37.578.986.512	32.262.857.235

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (trình bày lại)
61	17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		37.574.651.411	32.262.857.235
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.335.101	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.024	879
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	1.024	879



Vũ Thị Thùy Linh
Người lập



Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng



Trần Đức Huy
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phú Thọ, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		46.931.454.816	40.540.123.085
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình		69.202.647.971	56.519.752.120
03	Các khoản dự phòng		(942.245.937)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(49.568.693.650)	(1.686.419.288)
06	Chi phí lãi vay và trái phiếu	21	85.847.268.500	8.906.053.105
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		151.470.431.700	104.279.509.022
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(444.944.406.255)	10.497.468.851
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(101.822.225.453)	74.571.772.942
11	Giảm các khoản phải trả		(35.111.586.072)	(52.983.647.305)
12	Tăng chi phí trả trước		(23.239.413.206)	(250.682.082)
14	Tiền lãi vay đã trả		(55.872.429.887)	(10.329.302.476)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(24.544.122.408)	(5.431.295.972)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(11.423.025.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh		(534.063.751.581)	108.930.797.980
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(129.337.993.317)	(147.079.550.052)
22	Tiền thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định		-	2.272.727.273
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(414.687.054.795)	(147.000.000.000)
24	Tiền thu từ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		746.728.954.431	66.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.190.473.702	2.483.132.833
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		216.894.380.021	(223.323.689.946)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu		1.272.268.475.272	516.616.694.260
34	Tiền trả nợ gốc vay		(623.267.509.993)	(432.930.548.037)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(73.381.774.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		649.000.965.279	10.304.372.223
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		331.831.593.719	(104.088.519.743)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		85.722.195.458	154.591.372.374
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	417.553.789.177	50.502.852.631

Vũ Thị Thùy Linh
Người lập

Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng



Trần Đức Huy
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phú Thọ, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần CMC (“Công ty”) tiền thân là Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng được cổ phần hóa theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600106523, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 20 tháng 4 năm 2006, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 13 vào ngày 29 tháng 4 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô B10 - B11, KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 1.125 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 988 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có khoản đầu tư vào công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	99,986%	99,986%	Lô B10-B11 KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Đầu tư tài chính

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT có tổng vốn điều lệ ban đầu là 700.100.000.000 VND, là một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2601064731 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp ngày 2 tháng 8 năm 2021. Ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT là theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp bao gồm: sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm gốm sứ khác; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; hoạt động tư vấn đầu tư.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã sở hữu 99,986% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT với tổng giá trị vốn góp là 700.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam; Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và công ty con là Nhật ký chung trên máy tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán của Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và công ty con và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, - chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung
kinh doanh dở dang có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động
bình thường theo phương pháp giá bình quân gia
quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho khác trên bảng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng, giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và công ty con trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và công ty con được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về gạch, ngói. Doanh thu và tài sản liên quan đến các sản phẩm về gạch, ngói chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu trong năm và tài sản tại ngày báo cáo. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và công ty con chủ yếu được thực hiện và tài sản chủ yếu được sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và công ty con chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty và công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty, công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	333.217.874	929.590.125
Tiền gửi ngân hàng	55.668.619.690	84.792.605.333
Các khoản tương đương tiền (*)	361.551.951.613	-
TỔNG CỘNG	417.553.789.177	85.722.195.458

(*) Đây là các khoản tương đương tiền theo hợp đồng ngắn hạn tại tổ chức tài chính với kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất từ 3%-6,5%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công ty TNHH TLG Thăng Long	3.717.378.503	3.792.378.503
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Giải pháp		
Cơ điện DNP SKY	3.673.866.574	227.812.200
Công ty TNHH Vĩ Năng	2.994.554.527	-
Hộ kinh doanh Ngọc Thu	2.669.404.945	1.397.485.472
Các khoản phải thu khách hàng khác	23.687.887.629	3.896.319.453
TỔNG CỘNG	36.743.092.178	9.313.995.628
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.854.673.265)	(736.815.113)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tạm ứng để mua vật tư, nguyên vật liệu và hàng hóa	425.863.564.954	26.513.680.690
Tạm ứng để mua máy móc thiết bị	29.831.675.503	29.234.948.924
Tạm ứng khác	13.903.874.418	12.681.787.155
TỔNG CỘNG	<u>469.599.114.875</u>	<u>68.430.416.769</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu các khoản đầu tư (*)	659.858.100.364	991.900.000.000
- Đối tác doanh nghiệp số 1	428.624.250.364	384.215.150.000
- Đối tác doanh nghiệp số 2	97.640.320.000	281.953.320.000
- Đối tác doanh nghiệp số 3	133.593.530.000	325.731.530.000
Phải thu lãi từ các khoản đầu tư, tiền gửi	40.962.702.386	5.584.482.438
Tạm ứng cho nhân viên	3.199.382.000	289.520.000
Phải thu ngắn hạn khác	731.666.682	880.993.826
TỔNG CỘNG	<u>704.751.851.432</u>	<u>998.654.996.264</u>

(*) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác doanh nghiệp, kỳ hạn không quá 6 tháng, lãi suất từ 6% đến 7,5%/năm. Lợi nhuận được chia cho các bên theo tỷ lệ thỏa thuận tại thời điểm thanh lý hợp đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, nghĩa vụ tài chính của các đối tác này với Công ty và công ty con được bảo đảm bằng các tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	267.685.471.469	(2.233.219.343)	216.617.007.914	(2.233.219.343)
Công cụ, dụng cụ	1.172.517.085	-	1.626.582.869	-
Thành phẩm	337.290.756.460	(3.789.071.859)	288.155.711.430	(5.849.175.948)
Hàng hóa	1.448.078.907	-	274.693.314	-
Hàng gửi đi bán	899.397.059	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>608.496.220.980</u>	<u>(6.022.291.202)</u>	<u>506.673.995.527</u>	<u>(8.082.395.291)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Số đầu năm	8.082.395.291	3.557.541.850
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	-	4.524.853.441
<i>Trừ:</i> Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.060.104.089)	-
Số cuối năm	<u>6.022.291.202</u>	<u>8.082.395.291</u>

Công ty Cổ phần CMC

B09a-DN/HH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	324.051.660.753	1.282.700.191.490	63.693.617.140	1.768.609.615	1.672.214.078.998
- Mua trong năm	6.746.331.364	11.741.188.592	9.226.425.000	-	27.713.944.956
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.033.090.912	-	-	-	1.033.090.912
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	331.831.083.029	1.294.441.380.082	72.920.042.140	1.768.609.615	1.700.961.114.866
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	102.211.148.974	342.465.727.153	12.879.529.229	1.572.027.797	459.128.433.153
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	202.686.076.398	748.185.051.228	32.877.372.931	1.646.403.800	985.394.904.357
- Khấu hao trong năm	11.076.672.597	54.074.532.081	4.030.191.023	21.252.270	69.202.647.971
- Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ Khoa học công nghệ	-	385.249.998	-	-	385.249.998
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	213.762.748.995	802.644.833.307	36.907.563.954	1.667.656.070	1.054.982.802.326
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	121.365.584.355	534.515.140.262	30.816.244.209	122.205.815	686.819.174.641
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	118.068.334.034	491.796.546.775	36.012.478.186	100.953.545	645.978.312.540

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, một số tài sản cố định của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dây chuyền 4, 5 và cải tạo khu nhà Văn phòng	138.997.194.731	247.272.727
Dự án Khu đất Bạch Hạc	31.770.000.000	31.770.000.000
Dự án khác	31.698.892.500	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>202.466.087.231</u>	<u>62.017.272.727</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.062.193.221	-
Chi phí thuê biển quảng cáo	-	548.197.772
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.795.514.285	781.063.333
TỔNG CỘNG	<u>5.857.707.506</u>	<u>1.329.261.105</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	22.809.240.112	10.664.768.975
Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn	6.776.278.200	4.395.544.955
Chi phí thuê biển quảng cáo	5.462.602.498	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	15.733.247	1.292.573.322
TỔNG CỘNG	<u>35.063.854.057</u>	<u>16.352.887.252</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí An Dương	25.073.445.311	25.073.445.311	23.717.690.627	23.717.690.627
Công ty TNHH T&T Hồng Phát	12.896.944.324	12.896.944.324	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Bắc	10.302.862.020	10.302.862.020	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinatop	9.536.375.697	9.536.375.697	45.246.370.847	45.246.370.847
Hãng Panson Ceramics (Hong Kong)	6.466.343.455	6.466.343.455	16.386.919.360	16.386.919.360
Phải trả đối tượng khác	142.214.177.947	142.214.177.947	87.564.202.086	87.564.202.086
TỔNG CỘNG	206.490.148.754	206.490.148.754	172.915.182.920	172.915.182.920

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công ty TNHH Đại Thanh	2.313.161.003	-
Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hòa Bình Minh	1.409.528.589	1.194.087.135
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	4.608.736.140	3.215.281.862
TỔNG CỘNG	8.331.425.732	4.409.368.997

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.329.828.468	88.721.726.633	(90.051.555.101)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.903.914.174	(8.903.914.174)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.610.642.136	9.352.468.304	(24.544.122.408)	9.418.988.032
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.869.155.982	(1.741.202.972)	127.953.010
Tiền thuê đất	-	2.246.406.000	-	2.246.406.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	25.940.470.604	111.096.671.093	(125.243.794.655)	11.793.347.042
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã thu trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.010.370.385	104.107.550.971	(90.051.555.101)	15.066.366.255
Thuế thu nhập cá nhân	232.965.230	-	(232.965.230)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	8.783.367.709	-	8.783.367.709
TỔNG CỘNG	1.243.335.615	112.890.918.680	(90.284.520.331)	23.849.733.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay và trái phiếu phải trả	50.191.197.761	28.920.525.815
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	3.351.600.000
TỔNG CỘNG	<u>50.191.197.761</u>	<u>32.272.125.815</u>

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.106.566.545	1.163.064.945
Phải trả chi phí phát hành trái phiếu	18.000.000.000	10.500.000.000
Phải trả đại lý	28.510.395.756	21.600.796.736
Phải trả ngắn hạn khác	10.676.622.806	22.882.524.290
TỔNG CỘNG	<u>58.293.585.107</u>	<u>56.146.385.971</u>
Dài hạn		
Phải trả chi phí phát hành trái phiếu	18.000.000.000	10.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>18.000.000.000</u>	<u>10.500.000.000</u>

Công ty Cổ phần CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số phát sinh trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	483.558.255.262	662.244.303.556	(603.293.788.537)	542.508.770.281
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2)	39.411.075.983	29.062.645.969	(19.973.721.952)	48.500.000.000
Trái phiếu ngắn hạn (Thuyết minh số 16.3)	97.250.000.000	2.250.000.000	-	99.500.000.000
	620.219.331.245	693.556.949.525	(623.267.510.489)	690.508.770.281
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	126.198.961.334	110.024.171.716	(29.062.645.969)	207.160.487.081
Trái phiếu dài hạn (Thuyết minh số 16.3)	575.887.500.000	483.954.166.667	-	1.059.841.666.667
	702.086.461.334	593.978.338.383	(29.062.645.969)	1.267.002.153.748
	1.322.305.792.579	1.287.535.287.908	(652.330.156.458)	1.957.510.924.029
TỔNG CỘNG				

Công ty Cổ phần CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	112.134.726.159	Gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 7 tháng 12 năm 2022	Từ 5,7% đến 6,3%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	94.743.408.042	Gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 25 tháng 10 năm 2022	5,0%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	222.755.000.276	Gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 30 tháng 12 năm 2022	Từ 5,5% đến 5,8%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất.
Ngân hàng TMCP MTV Shinhhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	66.894.256.655	Gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 21 tháng 10 năm 2022	Từ 5,61% đến 5,75%	Bảo lãnh toàn bộ hạn mức tín dụng từ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	45.981.379.149	Gốc và lãi được trả vào ngày cuối cùng của tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 11 tháng 9 năm 2022	5,6%	Tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai.

TỔNG CỘNG

542.508.770.281

Công ty Cổ phần CMC

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất /năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	232.409.155.074	Gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 5 tháng 1 năm 2026	Từ 8% đến 8,9%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất.
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	17.333.232.007	Gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 22 tháng 1 năm 2024	Từ 7,6% đến 8,5%	Máy móc thiết bị, tài sản gắn liền trên đất.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	5.918.100.000	Gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13 tháng 1 năm 2025	9%	Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1), và máy móc thiết bị, dây chuyền máy mài gạch cạnh đảo chiều kiểu khô bộ tách bụi và một số tài sản khác của Công ty.

TỔNG CỘNG

255.660.487.081

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả 48.500.000.000
- Vay dài hạn 207.160.487.081

Công ty Cổ phần CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

16.3 Trái phiếu phát hành

	Loại trái phiếu	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá VND	Giá trị VND	Lãi suất/ năm	Ngày đến hạn
CVTB2122001	Trái phiếu doanh nghiệp	1.000.000	100.000	100.000.000.000	9,5%	11 tháng 8 năm 2022
CVTB2123002	Trái phiếu doanh nghiệp	1.000.000	100.000	100.000.000.000	10,0%	11 tháng 8 năm 2023
CVTB2125003	Trái phiếu doanh nghiệp	3.000.000	100.000	300.000.000.000	10,6%	11 tháng 8 năm 2025
CVTB2126004	Trái phiếu doanh nghiệp	2.000.000	100.000	200.000.000.000	10,6%	11 tháng 8 năm 2026
CVTB2123005	Trái phiếu doanh nghiệp	1.000.000	100.000	100.000.000.000	10,0%	10 tháng 2 năm 2024
CVTB2124006	Trái phiếu doanh nghiệp	2.000.000	100.000	200.000.000.000	10,5%	10 tháng 2 năm 2025
CVTB2126007	Trái phiếu doanh nghiệp	2.000.000	100.000	200.000.000.000	10,6%	10 tháng 2 năm 2027
Chi phí phát hành trái phiếu				(40.658.333.333)		
TỔNG CỘNG		12.000.000		1.159.341.666.667		

Trong đó:

Trái phiếu phải trả và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ trong năm tới 99.500.000.000
Trái phiếu phải trả và chi phí phát hành trái phiếu phân bổ trong dài hạn 1.059.841.666.667

Tài sản đảm bảo cho các hợp đồng trái phiếu này bao gồm:

- ▶ Cổ phiếu bảo đảm: 42.167.440 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (NVT); và
- ▶ Cổ phiếu bảo đảm: 11.761.973 cổ phiếu của các cổ đông tại Công ty Cổ phần CMC; và
- ▶ Các khoản tiền gửi, số dư, chứng khoán và quyền tài sản phát sinh từ chứng khoán hiện tại và tương lai được tích lũy trên các tài khoản mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT theo bảng kê trong hợp đồng.

Công ty Cổ phần CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021:						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2021	366.908.870.000	14.876.824.710	65.160.919.884	303.653.969.778	-	750.600.584.372
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	32.262.857.235	-	32.262.857.235
- Chia cổ tức	-	-	-	(73.381.774.000)	-	(73.381.774.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.031.221.042	(6.031.221.042)	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	256.503.831.971	-	709.481.667.607
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2022	367.008.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	318.436.443.781	-	771.514.279.417
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	37.574.651.411	4.335.101	37.578.986.512
- Phân loại lại	(100.000.000)	-	-	579	99.999.421	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	366.908.870.000	14.876.824.710	71.192.140.926	356.011.095.771	104.334.522	809.093.266.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 Số lượng	Ngày 31 tháng 12 năm 2021 Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu phổ thông	36.690.887	36.690.887
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CVT.

17.3 Quỹ đầu tư phát triển

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	71.192.140.926	65.160.919.884
Trích lập trong kỳ	-	6.031.221.042
Chi trong kỳ	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>71.192.140.926</u>	<u>71.192.140.926</u>

18. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	6.035.583.332	6.164.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Hao mòn trong kỳ	(385.249.998)	(128.416.668)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>5.650.333.334</u>	<u>6.035.583.332</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng doanh thu	867.040.475.942	607.251.065.893
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	857.506.393.107	602.064.276.327
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	4.473.566.000	2.695.810.100
<i>Doanh thu khác</i>	5.060.516.835	2.490.979.466
Các khoản giảm trừ doanh thu	(10.989.913.820)	(24.000.715.614)
Giảm trừ doanh thu	(10.064.550.761)	(23.386.445.144)
Hàng bán bị trả lại	(883.469.859)	(286.512.000)
Giảm giá hàng bán	(41.893.200)	(327.758.470)
Doanh thu thuần	856.050.562.122	583.250.350.279

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	313.989.543	3.506.065.290
Lãi các khoản đầu tư khác	49.254.704.107	-
TỔNG CỘNG	49.568.693.650	3.506.065.290

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	710.486.344.301	507.984.127.004
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.089.285.915	452.221.069
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.060.104.089)	-
TỔNG CỘNG	710.515.526.127	508.436.348.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi trái phiếu	57.049.063.229	-
Chi phí lãi vay	20.094.038.604	8.906.053.105
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	8.704.166.667	-
TỔNG CỘNG	85.847.268.500	8.906.053.105

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí khấu hao	1.639.879.770	667.873.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.213.136.112	1.192.367.038
Chi phí nhân công	14.267.108.094	3.615.156.600
Chi phí bán hàng khác	3.508.558.282	510.609.089
TỔNG CỘNG	35.628.682.258	5.986.006.391
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí khấu hao	1.738.605.751	1.539.519.896
Chi phí nhân công	8.890.260.391	8.468.649.443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.385.190.149	5.358.199.479
Chi phí dự phòng	1.117.858.152	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.493.949.978	5.107.877.273
TỔNG CỘNG	26.625.864.421	20.474.246.091

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	561.920.085.593	387.627.826.145
Chi phí nhân công	82.600.600.076	40.270.385.124
Chi phí khấu hao và hao mòn	69.202.647.971	56.519.752.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.338.571.601	43.391.014.723
Chi phí dự phòng	(942.245.937)	-
Chi phí khác bằng tiền	24.785.458.532	7.087.622.443
TỔNG CỘNG	821.905.117.836	534.896.600.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con trong kỳ hiện tại là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính năm có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.352.468.304	8.246.572.534
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	30.693.316
TỔNG CỘNG	9.352.468.304	8.277.265.850

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.931.454.816	40.540.123.085
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty và công ty con (20%)	9.386.290.963	8.108.024.617
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Các chi phí không được khấu trừ	378.198.159	138.547.917
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu các năm trước	-	30.693.316
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	(412.020.818)	-
Chi phí thuế TNDN	9.352.468.304	8.277.265.850

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty và công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Công ty mẹ

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

2	Ông Trần Đức Huy	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022) Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022)
3	Ông Ngô Đức Vũ	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022)
4	Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022)
5	Bà Vũ Thị Loan	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022) Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2022)
7	Ông Phan Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022)
8	Ông Trần Huy Ánh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022)
9	Ông Trần Hữu Chuyên	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022)
10	Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2022)
11	Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
12	Ông Vũ Đức Hồ Viễn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022)
13	Ông Vũ Quốc Toàn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022)
14	Ông Đỗ Phúc Viện	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2022)
15	Ông Tạ Quang Vững	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2022)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

Chức vụ	Thu nhập (*)	
	Cho giai đoạn tài chính	Cho giai đoạn tài chính
	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chủ tịch HĐQT	88.000.000	-
Chủ tịch HĐQT	80.000.000	66.700.000
Chủ tịch HĐQT	-	303.300.000
Phó Chủ tịch HĐQT	48.000.000	62.000.000
Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Thành viên HĐQT	24.000.000	-
Thành viên HĐQT	-	35.300.000
Thành viên HĐQT	-	30.000.000
Thành viên HĐQT	-	33.300.000
Thành viên HĐQT	-	26.700.000
Thành viên HĐQT	-	57.700.000
Thành viên HĐQT	-	9.300.000
Thành viên HĐQT	-	411.277.247
Tổng Giám đốc	760.900.280	597.913.980
Phó Tổng Giám đốc	565.778.540	415.610.909
Phó Tổng Giám đốc	647.281.811	-
Phó Tổng Giám đốc	454.471.362	-
Phó Tổng Giám đốc	225.126.252	278.641.861
Phó Tổng Giám đốc	-	483.454.337
Ban kiểm soát	-	56.000.000
TỔNG CỘNG	2.965.558.245	2.867.198.334

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty và công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.574.651.411	32.262.857.235
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.574.651.411	32.262.857.235
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	37.574.651.411	32.262.857.235
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.690.887	36.690.887
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	36.690.887	36.690.887
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.024	879
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.024	879

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 05/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, Công ty đã không trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2021. Do đó, Công ty đã trình bày lại số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi của kỳ trước về 0 VND (số trước điều chỉnh: 5.491.194.846 VND) khi tính lãi trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2022, Công ty hiện đang thuê kho, văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	26.325.783.744	16.048.104.000
Trên 1 – 5 năm	68.416.532.976	52.404.866.000
Trên 5 năm	1.628.839.872	-
TỔNG CỘNG	96.371.156.592	68.452.970.000

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.509,50	25.244,08
- Euro (EUR)	2.556,66	3.071,65
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2017	584.352.672	584.352.672
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2018	539.031.714	539.031.714
Nợ khó đòi đã xử lý năm 2019	2.434.936.021	2.434.936.021

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.



Vũ Thị Thùy Linh
Người lập



Nguyễn Thị Bình Minh
Kế toán trưởng



Trần Đức Huy
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phú Thọ, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022